

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ LÁCH
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2018/DS-ST
Ngày 19-4-2018
V/v tranh chấp về hợp đồng dân sự
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ LÁCH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Tuyền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hôn.

Ông Trần Tất Linh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Ngày 19 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 132/2018/TLST-DS ngày 23 tháng 11 năm 2017 về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 3 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Thế N - Sinh năm: 1960; địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Lư Hoàng T - Sinh năm: 1984 và bà Nguyễn Thị Hồng T - Sinh năm: 1983; cùng địa chỉ: ấp A, xã B, huyện C, tỉnh Bến Tre; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 11 năm 2017, bản tự khai đề ngày 12 tháng 12 năm 2017, biên bản hòa giải ngày 29 tháng 12 năm 2017 nguyên đơn là ông Phan Thế N (sau đây gọi tắt là ông N) trình bày:

Vào ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017, ông N có cho ông Lư Hoàng T vay số tiền là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), ông giao tiền trực tiếp cho ông T nhận, mục đích vay là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình, thời gian vay là 03 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Ông T có làm biên nhận tiền cùng ngày, do ông T viết và ký tên, bà Nguyễn Thị Hồng T (vợ ông T) không có mặt. Từ khi vay cho đến nay thì ông T không trả tiền gốc và tiền lãi cho ông N.

Nay ông N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng T phải trả lại cho ông số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và tiền lãi tính từ ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017 cho đến ngày xét xử theo mức lãi suất là 1,25%/tháng.

Tại phiên tòa sơ thẩm ông N thay đổi yêu cầu khởi kiện về phần lãi suất, cụ thể là ông N yêu cầu trả lãi từ ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017 cho đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất do pháp luật quy định.

- Trong biên bản hòa giải ngày 29 tháng 12 năm 2017 bị đơn là ông Lư Hoàng T (sau đây gọi tắt là ông T) trình bày:

Vào ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017 ông T có vay của ông N số tiền 50.000.000đồng, mục đích vay tiền là để mua thức ăn gia súc phát triển kinh tế gia đình, thời gian vay là 3 tháng, lãi suất vay là 5%/tháng. Ông T cũng thừa nhận biên nhận tiền đề ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017 là do ông viết, ký tên (trừ nội dung thời gian mượn tiền và lãi suất là ông không có ghi). Vợ của ông là bà Nguyễn Thị Hồng T không có mặt, không biết việc vay tiền, tên của bà T trong giấy nhận nợ là do ông T viết và ký. Ông T xác định về số tiền gốc là ông chưa trả cho ông N, riêng về tiền lãi ông đã trả cho ông N mỗi tháng là 2.500.000đồng, trả được 02 tháng với số tiền là 5.000.000đồng, do không có chứng cứ gì để chứng minh nên ông T không yêu cầu giải quyết lại đối với phần tiền lãi đã trả. Đối với yêu cầu khởi kiện của ông N thì ông T đồng ý trả lại cho ông N số tiền gốc đã vay là 50.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn là bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa nên không có lời trình bày của đương sự này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Phan Thế N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về việc: “*Tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản*” với ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng T, đây là loại tranh chấp được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Lư Hoàng T, bà Nguyễn Thị Hồng T có địa chỉ thuộc huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre thụ lý, giải quyết là phù hợp với quy định tại các điều 35 và 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Mặc dù được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn là ông Lư Hoàng T, bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm nên Tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà T là phù hợp với quy định tại các điều 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về tiền gốc đã vay, thời hạn vay: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, ông N và ông T cùng thống nhất xác định là vào ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017, ông T có vay của ông N số tiền gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng), thời hạn vay là 03 tháng và cho đến nay ông T chưa trả cho ông N khoản tiền Ngọc nào. Ngoài ra thì ông T cũng đồng ý trả lại cho ông N số tiền gốc đã vay. Ông T

là người trực tiếp vay tiền của ông N, đây là khoản nợ trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T và bà Trang; mục đích ông T vay tiền là để làm ăn phát triển kinh tế gia đình. Trong khi đó ông T, bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào chứng minh đây là khoản nợ riêng của mỗi người nên cần buộc ông T và bà Trang cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông N số nợ gốc còn thiếu và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

[4] Về tiền lãi: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông N và ông T cùng xác định đây là hợp đồng vay có lãi. Tuy nhiên, ông N cho rằng lãi suất hai bên thỏa thuận theo hợp đồng là 1,5%/tháng, ông T lại cho rằng mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 5%/tháng. Ông N cũng thừa nhận mức lãi suất trong hợp đồng là do ông N tự ghi sau khi ông T đã viết và ký tên vào biên nhận, tại phiên tòa sơ thẩm ông N yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất do pháp luật quy định. Do các bên có tranh chấp về lãi suất cho vay nên tiền lãi được tính cụ thể như sau:

- Lãi trong hạn: Từ ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017 (*nhằm ngày 08/8/2017 dương lịch*) đến ngày 08 tháng 11 năm 2017 là $50.000.000\text{đồng} \times (10\% : 12) \times 3 = 1.250.000\text{đ}$ (một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

- Tiền lãi của số tiền lãi trong hạn (1.250.000đồng) chậm trả: Từ ngày 17 tháng 6 âm lịch năm 2017 (*nhằm ngày 08/8/2017 dương lịch*) đến ngày 08 tháng 11 năm 2017 là $1.250.000\text{đồng} \times (10\% : 12) \times 3 = 31.000\text{đ}$ (ba mươi một ngàn đồng).

- Tiền lãi đối với số tiền vốn vay quá hạn: Từ ngày ngày 09 tháng 11 năm 2017 đến ngày xét xử là $50.000.000\text{đồng} \times (15\% : 12) \times 5 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 3.333.333\text{đ}$ (ba triệu ba trăm ba mươi ba ngàn đồng).

Tổng số tiền lãi ông T, bà T phải trả cho ông N là: $1.250.000 + 31.000 + 3.333.000\text{đồng} = 4.614.000\text{đ}$ (bốn triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng).

Về phía ông T, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử ông T cho rằng đã trả được cho ông N 02 tháng tiền lãi với số tiền là 5.000.000đồng nhưng ông N không thừa nhận việc này. Ông T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc trả lãi và không yêu cầu giải quyết lại đối với phần tiền lãi đã đóng nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng T phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 5% của số tiền 54.614.000đ (năm mươi bốn triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng) theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 466, 468 của Bộ luật dân sự; các điều 5, 147, 271, 273, 278, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Phan Thế N. Buộc bị đơn là ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng Trang có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Phan Thế N số nợ gốc là 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) và 4.614.000đ (bốn triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng) tiền lãi. Tổng cộng ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng Trang phải có nghĩa vụ liên đới hoàn trả cho ông Phan Thế N số tiền là 54.614.000đ (năm mươi bốn triệu sáu trăm mười bốn ngàn đồng).

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Phan Thế N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho ông N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 1.292.000đ (một triệu hai trăm chín mươi hai ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0023910 ngày 22 tháng 11 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng Trang phải có nghĩa vụ liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.730.700đ (hai triệu bảy trăm ba mươi ngàn bảy trăm đồng).

3/ Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày ông Phan Thế N có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

4/ Về quyền kháng cáo, kháng nghị đối với bản án: Ông Phan Thế N có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ông Lư Hoàng T và bà Nguyễn Thị Hồng T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày được nhận bản án hoặc ngày bản án được niêm yết; Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre nhận được bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre giải quyết lại vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

5/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Ông Phan Thế N (01 bản);
- Ông Lư Hoàng T (01 bản);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Bà Nguyễn Thị Hồng T^(01 bản);
- VKSND huyện Chợ Lách^(01 bản);
- Chi cục T.H.A.D.S huyện C^(01 bản);
- Phòng KTNV-T.H.A TAND tỉnh Bến Tre^(01 bản);
- Lưu: Hồ sơ vụ án^(01 bản), Vp^(01 bản), Bp^(01 bản).

Nguyễn Thị Ngọc Tuyên